TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST
Ngày 02 tháng 8 năm 2018
V/v Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Thế Chiến.
2. Ông Đặng Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2018/TLST-DS ngày 14/5/2018 về tranh chấp "*Kiện đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-DS ngày 22/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-DS ngày 20/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1963. Có mặt
Trú tại: Đường C, tổ dân phố X, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979. Vắng mặt
Trú tại: Đường H, tổ dân phố Y, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2018 tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị N trình bày:

Trong năm 2012 bà N cho bà L mua nợ phân bón nhiều lần, cụ thể số lượng phân bón, số tiền nợ và thời gian mua do thời gian đã lâu nên bà không nhớ rõ. Đến đầu tháng 8/2012 âm lịch (khoảng giữa tháng 9/2012 dương lịch) bà và bà L đối chiếu công nợ thì bà L còn nợ bà tổng số tiền là 33.000.000đ. Bà L viết giấy hẹn nợ hẹn đến ngày 20/8/2012 âm lịch (05/10/2012 dương lịch) sẽ trả đủ cho bà. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, không thế chấp giấy tờ, tài sản gì.

Từ khi vay cho đến nay bà L không trả cho bà được khoản tiền nào. Đến hạn trả nợ và cho đến nay, bà đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà L vẫn không chịu trả tiền.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà số tiền nợ 33.000.000đ gốc.

Chồng bà L là ông Trịnh Văn C không liên quan gì đến công nợ này, không tham gia giao dịch cũng không ký nhận giấy tờ gì mà chỉ có một mình bà L đứng ra

mua bán, ký nhận nợ, do đó bà N chỉ yêu cầu một mình bà L có trách nhiệm trả nợ cho bà mà không yêu cầu ông C phải liên đới trả nợ.

- Tại bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào năm 2012 bà L mua nợ phân bón của bà N, cụ thể số lượng phân bón, tiền nợ từng lần và thời gian mua bà không nhớ cụ thể. Sau đó hai bên đối chiếu và chốt lại công nợ thì bà L còn nợ bà N tổng số tiền là 33.000.000đ. Hẹn đến ngày 20/8/2012 âm lịch sẽ trả đủ.

Đến hẹn nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên cho đến nay bà vẫn chưa trả cho bà N được khoản tiền này. Hiện nay bà vẫn còn nợ bà N 33.000.000đ.

Nay bà N khởi kiện nguyện vọng của bà là chấp nhận trả cho bà N số tiền 33.000.000đ. Về thời gian trả bà xin trả dần mỗi năm trả 3.000.000đ.

Việc vay nợ trên chỉ có một mình bà L giao dịch và liên quan đến công nợ. Chồng bà Trịnh Văn C không biết, không liên quan gì đến công nợ này, do đó trách nhiệm trả nợ cho bà N là của một mình bà.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, hòa giải, giao thông báo thụ lý, thời hạn xét xử theo đúng quy định tại các Điều 26; 35; 39; 68; 97; 98; 196; 203; 208; 209; 210; 211; 220 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo các Điều 70; 71; 72; 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 quyết định:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị N.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn bà Hoàng Thị N số tiền 33.000.000đ.

- Buộc bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà số tiền vay nợ gốc là 33.000.000đ. Thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là ngày 20/8/2012 âm lịch (05/10/2012 dương lịch). Đến ngày 24/6/2018 bà N mới làm đơn khởi kiện ra Tòa án. Như vậy theo quy định của pháp luật thì thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đã hết. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc.

Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Kiện đòi tài sản*" để giải quyết về yêu cầu đòi tài sản là số tiền nợ gốc.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L hiện cư trú tại thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên hòa giải bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền nợ gốc 33.000.000đ, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là giấy hẹn nợ ký tên Nguyễn Thị L. Nguyên đơn và bị đơn đều xác định trong năm 2012 bà N cho bà L mua nợ phân bón nhiều lần. Sau đó hai bên đối chiếu chốt lại công nợ thì bà L còn nợ bà N tổng số tiền là 33.000.000đ. Bà L viết giấy hẹn nợ hẹn đến ngày 20/8/2012 âm lịch (05/10/2012 dương lịch) sẽ trả đủ cho bà N. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định giữa hai bên có xác lập quan hệ mua bán tài sản.

Quá trình trả nợ các bên đương sự đều xác định: Đến hạn trả nợ, bà N đã đòi nhiều lần nhưng bà L không trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán do hai bên thỏa thuận.

Như vậy, nguyên đơn khởi kiện đòi số tiền như trên là hoàn toàn có căn cứ. Đối với ý kiến của bà L chấp nhận trả cho bà N 33.000.000đ, về thời hạn trả bà L xin trả dần mỗi năm trả 3.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của bà L là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, lời trình bày của các đương sự, có đủ căn cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 33.000.000đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.000.000đ x 5% = 1.650.000đ. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Hoàng Thị N số tiền gốc 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.650.000đ (*Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho bà Hoàng Thị N số tiền tạm ứng án phí 825.000đ (*Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai số: 0005618 ngày 14/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đăk Lăk
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đại Minh